

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH P
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Đào Công Trình

2. Bà: Nguyễn Thị Phương

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng - Thư ký
TAND thành phố V, tỉnh P.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, tham gia
phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.**

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 720/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thúy H - Sinh năm 1977.

ĐKHKT: Tổ 25, khu 9, phường T, thành phố V, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D - Sinh năm 1976.

ĐKHKT: Tổ 13, khu 5, phường T, thành phố V, tỉnh P.

(Chị H và anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn chị Bùi Thị Thúy H vắng mặt, nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đình D vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thúy H và anh Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn ngày 01/2/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh P. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bố mẹ anh D được ít ngày thì vào sống ở B và làm ăn ở đó. Sau đó vợ chồng mâu thuẫn chị H về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 25, khu 9, phường T, thành phố V, tỉnh P. Quá trình vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau, anh D còn mắc tệ nạn xã hội nghiện hút, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh D không nghe, vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi nhau. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nói chuyện với gia đình chồng, gia đình anh D có khuyên bảo anh D nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Nguyễn Đình D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ anh D nhiều lần nhưng anh D vẫn vắng mặt không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh D và không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/2/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương xác nhận quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị Thúy H và anh Nguyễn Đình D và xác nhận anh Nguyễn Đình D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13, khu 5, phường T, thành phố V, tỉnh P, vợ chồng chị H và anh D sau khi kết hôn anh D thường xuyên đi làm ăn xa, anh D thỉnh thoảng mới về nhà do anh làm nghề lái xe. Hiện nay chị H không ở nhà anh D. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh D quan điểm của địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/2/2020, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình D, địa chỉ: tại tổ 13, khu 5, phường T, thành phố V, tỉnh P. Anh D không có mặt ở nhà, bà C mẹ đẻ anh D cung cấp như sau: Bà là mẹ đẻ anh D, là mẹ chồng chị H, chị H và anh D có đăng ký kết hôn ngày 01/2/2013 tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh P, trước khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn vợ

chồng anh chị sống cùng gia đình bà ít ngày, sau đó vợ chồng đi làm ăn xa ở B. Vợ chồng chị H và anh D không có con chung, về tài sản chung, công nợ công sức đóng góp thì bà không biết. Việc vợ chồng mâu thuẫn chị H có nói với bà, chị H và anh D đã sống ly thân. Nay chị H có đơn xin ly hôn quan điểm của bà để chị H và anh D tự quyết định. Hiện nay anh D không có mặt ở nhà, anh D đi làm ăn xa ở B, thỉnh thoảng có về gia đình và thường xuyên liên lạc với gia đình. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D, bà đã nhận thay và có trách nhiệm thông báo lại cho anh D, còn việc anh D có về Tòa án làm việc hay không thì bà không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thúy H: Xử cho chị Bùi Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Đình D. Về con chung: chị H và anh D không có con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đình D vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Bùi Thị Thúy H và bị đơn là anh Nguyễn Đình D.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thúy H và anh Nguyễn Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn nhân tại UBND phường T, thành phố V, tỉnh P. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Sau khi xem xét đơn ly hôn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống chung của chị H và anh D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Chị H và anh D đã sống ly thân từ lâu, giữa hai bên không còn quan hệ với nhau. Tại biên bản xác minh của chính quyền địa phương cung cấp cho Tòa án biết hiện nay chị H không ở nhà bố mẹ đẻ anh D, anh D đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về gia đình, việc chị H, anh D có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh D quan điểm của địa phương đề nghị giải quyết theo pháp luật. Qua xác minh lấy lời khai của mẹ đẻ anh D là bà Nguyễn Thị C bà C có cho Tòa án biết việc chị H và anh D mâu thuẫn và việc chị H làm đơn xin ly hôn anh D chị H có nói với bà. Nay chị H và anh D ly hôn là tùy ở anh chị quyết định. Toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D bà đã thông báo lại cho anh D còn việc anh D có đến Tòa án để làm việc hay không bà không biết. Như vậy là anh D cố tình không đến Tòa, từ bỏ quyền được trình bày tại Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị Bùi Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Đình D là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh D vắng mặt nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Đình D
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000748 ngày 30/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND T.P;Tp.V;
- Chi cục THADS Tp.V;
- Các đương sự;
- UBND p.T, TP V
- Lưu HS,VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Đào